

Số: 02/2023/QĐST- KDTM

Tam Điệp, ngày 30 tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ khoản 5 Điều 148 của Bộ luật Dân sự.
Căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 18 tháng 01 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 02/2022/TLST- KDTM ngày 07 tháng 11 năm 2022.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành ngày 18 tháng 01 năm 2023 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ

Địa chỉ: Tháp B, số 194 Tr, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: **Ông Phan Đức T** - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Đ.

Người đại diện theo ủy quyền: **Ông Vũ Văn T** - Chức vụ Giám đốc Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh T

(Theo Quyết định ủy quyền tham gia tố tụng số 963/QĐ-BIDV ngày 25/10/2021 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Đ)

Người đại diện theo ủy quyền lại: **Bà Lê Quỳnh Gi** – Trưởng phòng khách hàng cá nhân – Chi nhánh Ngân hàng TMCP Đ

(Theo Văn bản ủy quyền lại ngày 17/10/2022 về việc ủy quyền tham gia tố tụng)

- Bị đơn: Ông Hà Văn D, sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1974;

Địa chỉ: số nhà 09, ngõ 12, đường Đ, tổ 19, phường B, thành phố T, tỉnh Ninh Bình;

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị L: Ông Hà Văn D, sinh năm 1965; Địa chỉ: số nhà 09, ngõ 12, đường Đ, tổ 19, phường, thành phố T, tỉnh Ninh Bình

1. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về nghĩa vụ trả nợ: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ và ông Hà Văn D, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị L thống nhất: Tính đến hết ngày 18/01/2022 ông Hà Văn D và bà Nguyễn Thị L còn nợ Ngân hàng TMCP Đ số tiền là 3.605.241.063 đồng, trong đó nợ gốc: 2.551.000.000 đồng; nợ lãi 1.054.241.063 đồng (*Trong đó nợ lãi trong hạn là 746.208.197 đồng, nợ lãi quá hạn là 308.032.866 đồng*); theo Hợp đồng tín dụng số 12012.01/19/7029483/HĐTD ngày 31/12/2019.

2.2. Về phương thức trả nợ:

Ngân hàng thương mại cổ phần Đ, ông Hà Văn D, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị L thống nhất:

Ông Hà Văn D và bà Nguyễn Thị L có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc và lãi cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ theo phân kỳ trả nợ cụ thể như sau:

- Chậm nhất đến hết ngày 28/02/2023 ông Hà Văn D và bà Nguyễn Thị L phải trả số nợ gốc là: 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng);
- Chậm nhất đến hết ngày 31/3/2023 ông Hà Văn D và bà Nguyễn Thị L phải trả số nợ gốc là: 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng);
- Chậm nhất đến hết ngày 30/4/2023 ông Hà Văn D và bà Nguyễn Thị L phải trả số nợ gốc là: 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng);
- Chậm nhất đến hết ngày 31/5/2023 ông Hà Văn D và bà Nguyễn Thị L phải trả số nợ gốc là: 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng);
- Chậm nhất đến hết ngày 30/6/2023 ông Hà Văn D và bà Nguyễn Thị L phải trả số nợ gốc là: 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng);
- Chậm nhất đến hết ngày 31/7/2023 ông Hà Văn D và bà Nguyễn Thị L phải trả số nợ gốc là: 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng);
- Chậm nhất đến hết ngày 31/8/2023 ông Hà Văn D và bà Nguyễn Thị L phải trả số nợ gốc là: 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng);
- Chậm nhất đến hết ngày 30/9/2023 ông Hà Văn D và bà Nguyễn Thị L phải trả số nợ gốc là: 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng);
- Chậm nhất đến hết ngày 31/10/2023 ông Hà Văn D và bà Nguyễn Thị L phải trả số nợ gốc là: 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng);
- Chậm nhất đến hết ngày 30/11/2023 ông Hà Văn D và bà Nguyễn Thị L phải trả số nợ gốc là: 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng);
- Chậm nhất đến hết ngày 31/12/2023 ông Hà Văn D và bà Nguyễn Thị L phải trả số nợ gốc là: 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng);
- Chậm nhất đến hết ngày 31/01/2024 ông Hà Văn D và bà Nguyễn Thị L phải trả số nợ gốc là: 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng);
- Chậm nhất đến hết ngày 29/02/2024 ông Hà Văn D và bà Nguyễn Thị L phải trả số nợ gốc là: 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng);
- Chậm nhất đến hết ngày 31/3/2024 ông Hà Văn D và bà Nguyễn Thị L phải trả số nợ gốc là: 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng);
- Chậm nhất đến hết ngày 30/4/2024 ông Hà Văn D và bà Nguyễn Thị L phải trả số nợ gốc là: 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng);
- Chậm nhất đến hết ngày 31/5/2024 ông Hà Văn D và bà Nguyễn Thị L phải trả số nợ gốc là: 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng);

- Chậm nhất đến hết ngày 30/6/2024 ông Hà Văn D và bà Nguyễn Thị L phải trả số nợ gốc là: 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng);
- Chậm nhất đến hết ngày 31/7/2024 ông Hà Văn D và bà Nguyễn Thị L phải trả số nợ gốc là: 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng);
- Chậm nhất đến hết ngày 31/8/2024 ông Hà Văn D và bà Nguyễn Thị L phải trả số nợ gốc là: 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng);
- Chậm nhất đến hết ngày 30/9/2024 ông Hà Văn D và bà Nguyễn Thị L phải trả số nợ gốc là: 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng);
- Chậm nhất đến hết ngày 31/10/2024 ông Hà Văn D và bà Nguyễn Thị L phải trả số nợ gốc là: 170.000.000 đồng (một trăm bảy mươi triệu đồng);
- Chậm nhất đến hết ngày 30/11/2024 ông Hà Văn D và bà Nguyễn Thị L phải trả số nợ gốc là: 170.000.000 đồng (một trăm bảy mươi triệu đồng);
- Chậm nhất đến hết ngày 31/12/2024 ông Hà Văn D và bà Nguyễn Thị L phải trả số nợ gốc là: 201.000.000 đồng (hai trăm linh một triệu đồng) và nợ lãi là 1.054.241.063 đồng (*Trong đó nợ lãi trong hạn là 746.208.197 đồng, nợ lãi quá hạn là 308.032.866 đồng*); và toàn bộ số tiền lãi trong hạn, lãi nợ quá hạn phát sinh từ ngày 19/01/2023 cho đến khi ông Hà Văn D và bà Nguyễn Thị L trả hết nợ gốc.

Kể từ ngày 19/01/2023 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 12012.01/19/7029483/HĐTD ngày 31/12/2019 nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Trường hợp ông D, bà L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ của bất kỳ một kỳ trả nợ nào thì Ngân hàng được quyền yêu cầu thi hành án xử lý một trong hai tài sản hoặc đồng thời cả hai tài sản đã thế chấp theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ cho Ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp bất động sản cụ thể như sau:

- Hợp đồng thế chấp bất động sản số 20052/2015/7029483/HĐBĐ ngày 06/4/2015 và Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp bất động sản số 10568/2016/7029483/HĐSD ngày 03/11/2016, trong đó tài sản thế chấp là giá trị quyền sử dụng đất và toàn bộ giá trị tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 240, tờ bản đồ số 42. Địa chỉ thửa đất: tại tổ 19, phường B, thành phố T, tỉnh Ninh Bình. Diện tích: 150 m² (bằng chữ: một trăm năm mươi mét vuông). Đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 042281 do UBND thị xã T, tỉnh Ninh Bình cấp ngày 10/5/2013 mang tên ông Hà Văn D và bà Nguyễn Thị L.

- Hợp đồng thế chấp bất động sản số 20055/2015/7029483/HĐBĐ ngày 14/4/2015 và Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp bất động sản số 10569/2016/7029483/HĐSD ngày 07/11/2016, trong đó tài sản thế chấp là giá trị quyền sử dụng đất và toàn bộ giá trị tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 49, tờ bản đồ số 01. Địa chỉ thửa đất: tại xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương. Diện tích: 503 m² (bằng chữ: năm trăm linh ba mét vuông). Đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 372701 do UBND huyện N, tỉnh Hải Dương cấp ngày 07/7/2006 mang tên ông Hà Văn D và bà Nguyễn Thị L.

2.3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Ông Hà Văn D và bà Nguyễn Thị L phải chịu 52.052.410 đồng (năm mươi hai triệu không trăm năm mươi hai nghìn bốn trăm mười đồng) làm tròn là 52.052.000 đồng (năm mươi hai triệu không trăm năm mươi hai nghìn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền 51.452.000 đồng (năm mươi một triệu bốn trăm năm mươi hai nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0002670 ngày 07/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Tam Điệp;
- Tòa án tỉnh Ninh Bình;
- Chi cục THADS TP.T;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, VP.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Vũ Ngọc Tú